

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12095:2017
CODEX STAN 213-1999, WITH AMENDMENT 2011
Xuất bản lần 1

CHANH KHÔNG HẠT QUẢ TƯƠI

Limes

HÀ NỘI - 2017

Lời nói đầu

TCVN 12095:2017 hoàn toàn tương đương với CODEX STAN 213-1999; sửa đổi năm 2011;

TCVN 12095:2017 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F10 *Rau quả và sản phẩm rau quả* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Chanh không hạt quả tươi

Limes

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các giống chanh không hạt quả tươi thương phẩm thuộc loài *Citrus latifolia* Tanaka, họ *Rutaceae*, sau khi sơ chế và đóng gói, được tiêu thụ dưới dạng tươi.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho chanh không hạt quả tươi dùng trong chế biến công nghiệp.

2 Yêu cầu về chất lượng

2.1 Yêu cầu tối thiểu

Trong tất cả các hạng, tùy theo yêu cầu cụ thể cho từng hạng và dung sai cho phép, chanh không hạt quả tươi phải:

- nguyên vẹn;
- lành lặn, không bị dập nát hoặc hư hỏng đến mức không phù hợp cho sử dụng;
- sạch, hầu như không có bất kỳ tạp chất lạ nào nhìn thấy được bằng mắt thường;
- hầu như không chứa côn trùng ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài của sản phẩm;
- hầu như không bị hư hỏng do sinh vật gây hại;
- không bị ẩm bất thường ngoài vỏ, trừ khi bị ngưng tụ nước do vừa đưa ra khỏi môi trường bảo quản lạnh;
- không có bất kỳ mùi và/hoặc vị lạ nào;
- cứng;
- không bị hư hỏng do nhiệt độ thấp;

- hầu như không bị bầm dập;
- không bị rỗ.

2.1.1 Chanh không hạt quả tươi phải đạt độ chín sinh lý và độ chín thích hợp, phù hợp với tiêu chí của giống và vùng trồng.

Độ chín và tình trạng của chanh không hạt quả tươi phải:

- chịu được vận chuyển và bốc dỡ; và
- đến nơi tiêu thụ với trạng thái tốt.

2.1.2 Hàm lượng nước quả tối thiểu và màu sắc của vỏ quả

Hàm lượng nước quả tối thiểu được tính tỷ lệ với tổng khối lượng quả.

Hàm lượng nước quả tối thiểu: 42 %.

Màu sắc phải đặc trưng cho giống, chiếm ít nhất hai phần ba bề mặt quả. Quả phải có màu xanh lá cây nhưng có thể biến đổi màu (màu vàng) lên đến 30 % bề mặt quả.

2.2 Phân hạng

Chanh không hạt quả tươi được phân thành ba hạng như sau:

2.2.1 Hạng “đặc biệt”

Chanh không hạt quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng cao nhất, đặc trưng cho giống, không có các khuyết tật, trừ các khuyết tật bề mặt rất nhẹ với điều kiện không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì.

2.2.2 Hạng I

Chanh không hạt quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng tốt, đặc trưng cho giống, tuy nhiên cho phép có các khuyết tật nhẹ với điều kiện không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì:

- khuyết tật nhẹ về hình dạng;
- khuyết tật nhẹ về màu sắc;
- khuyết tật nhẹ trên vỏ quả, nhưng không vượt quá 1,0 cm²;

Trong mọi trường hợp, các khuyết tật phải không được ảnh hưởng đến thịt quả.

2.2.3 Hạng II

Chanh không hạt quả tươi thuộc hạng này không đáp ứng được các yêu cầu trong các hạng cao hơn, nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu quy định trong 2.1. Có thể cho phép chanh không hạt quả tươi có các khuyết tật sau với điều kiện vẫn đảm bảo được các đặc tính cơ bản về chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày của sản phẩm:

- khuyết tật nhẹ về hình dạng;
- khuyết tật nhẹ về màu sắc;
- khuyết tật nhẹ trên vỏ quả, nhưng không vượt quá 2,0 cm²;

Trong mọi trường hợp, các khuyết tật không được ảnh hưởng đến thịt quả.

3 Yêu cầu về kích cỡ

Kích cỡ được xác định theo đường kính mặt cắt tối đa của quả, phù hợp với Bảng 1:

Bảng 1 – Yêu cầu về kích cỡ

Mã cỡ	Đường kính (mm)
1	từ 58 đến 67
2	từ 53 đến 62
3	từ 48 đến 57
4	từ 45 đến 52
5	từ 42 đến 49

Chanh không hạt quả tươi được đóng gói theo số lượng. Trong trường hợp này, độ đồng đều về kích cỡ quả đáp ứng tiêu chuẩn, dải kích cỡ trong bao gói có thể nằm ngoài một mã cỡ riêng nhưng phải nằm trong hai mã cỡ liền kề.

Chanh không hạt quả tươi không được có đường kính dưới 42 mm.

Độ đồng đều về kích cỡ phải đạt được theo thang mã cỡ như trên, trừ khi có quy định khác, như sau:

- i) đối với quả xếp theo các lớp đều nhau trong bao gói, bao gồm các bao gói nhỏ, thì chênh lệch tối đa giữa quả nhỏ nhất và quả lớn nhất nằm trong một mã cỡ hoặc trong trường hợp chanh không hạt quả tươi được bao gói theo số lượng, nằm trong hai mã cỡ liền nhau không được quá 7 mm (đối với mã cỡ từ 1 đến 5).

- ii) đối với quả không xếp theo các lớp đều nhau trong bao gói và quả được bọc trong từng bao gói để bán trực tiếp cho người tiêu dùng, thì chênh lệch giữa quả nhỏ nhất và quả lớn nhất trong cùng một bao gói không được vượt quá dải hạng kích cỡ thích hợp trong thang mã cỡ hoặc trong trường hợp chanh không hạt quả tươi được bao gói theo số lượng thì dải đường kính quả, tính bằng milimet của một hoặc hai mã cỡ liền kề có liên quan.
- iii) đối với quả để rời đóng thùng và quả trong từng bao gói mềm (túi, bao) để bán trực tiếp cho người tiêu dùng thì chênh lệch kích cỡ tối đa giữa quả nhỏ nhất và quả lớn nhất trong cùng một lô hoặc cùng một bao gói không được vượt quá dải kích cỡ thu được theo ba nhóm kích cỡ liên tiếp trong thang kích cỡ.

4 Yêu cầu về dung sai

Cho phép dung sai về chất lượng và kích cỡ quả trong mỗi bao gói sản phẩm không đáp ứng các yêu cầu của mỗi hạng quy định.

4.1 Dung sai về chất lượng

4.1.1 Hạng “đặc biệt”

Cho phép 5 % số lượng hoặc khối lượng chanh không hạt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng “đặc biệt”, nhưng đạt chất lượng hạng I hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.2 Hạng I

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng chanh không hạt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng I, nhưng đạt chất lượng hạng II hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.3 Hạng II

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng chanh không hạt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng II cũng như các yêu cầu tối thiểu, trừ sản phẩm bị ảnh hưởng bởi côn trùng hoặc bất kỳ hư hỏng nào khác dẫn đến không thích hợp cho việc sử dụng.

4.2 Dung sai về kích cỡ

Đối với tất cả các hạng, cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng chanh không hạt quả tươi tương ứng với cỡ trên và/hoặc cỡ dưới liền kề chỉ rõ trên bao bì.

Đường kính quả không được phép nhỏ hơn 40 mm.

5 Yêu cầu về cách trình bày sản phẩm

5.1 Độ đồng đều

Lượng chanh không hạt quả tươi chứa trong mỗi bao gói phải đồng đều và chỉ gồm các quả có cùng giống, xuất xứ, chất lượng và kích cỡ. Đối với hạng “đặc biệt” thì màu sắc phải đồng đều. Phân quan sát được của sản phẩm có trong bao gói phải đại diện cho toàn bộ bao gói.

5.2 Bao gói

Chanh không hạt quả tươi phải được bao gói sao cho bảo vệ được sản phẩm một cách thích hợp. Vật liệu được sử dụng bên trong bao gói phải mới¹⁾, sạch và có chất lượng tốt để tránh được mọi nguy cơ hư hại bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Cho phép sử dụng vật liệu giấy hoặc tem liên quan đến các yêu cầu thương mại với điều kiện là việc in nhãn hoặc dán nhãn phải sử dụng mực in hoặc keo dán không độc.

Chanh không hạt quả tươi cần được đóng gói trong mỗi bao bì phù hợp với TCVN 9770:2013 (CAC/RCP 44-1995 with Amendment 1-2004) *Quy phạm thực hành bao gói và vận chuyển rau, quả tươi*.

5.2.1 Quy định về bao bì

Bao bì phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh, thông thoáng và bền, thích hợp cho việc bốc dỡ, chuyên chở bằng đường biển và bảo quản chanh không hạt quả tươi. Bao bì không được có tạp chất và mùi lạ.

6 Dán nhãn hoặc ghi nhãn

6.1 Bao gói bán lẻ

Ngoài các yêu cầu của TCVN 7087:2013 (CODEX STAN 1-1985, with Amendment 2010) *Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn*, cần áp dụng các yêu cầu cụ thể như sau:

6.1.1 Tên sản phẩm

Nếu sản phẩm không thể nhìn thấy được từ bên ngoài thì mỗi bao bì phải được dán nhãn ghi rõ tên của sản phẩm và có thể ghi tên giống trên nhãn.

6.2 Bao gói sản phẩm không dùng để bán lẻ

Mỗi bao gói sản phẩm phải bao gồm các yêu cầu dưới đây: các chữ phải được tập trung về một phía, dễ đọc, không tẩy xóa được và có thể nhìn thấy từ bên ngoài hoặc phải có tài liệu kèm theo lô hàng.

¹⁾ Vật liệu bao gói bao gồm cả loại vật liệu bao gói tái chế dùng cho thực phẩm.

6.2.1 Dấu hiệu nhận biết

Tên và địa chỉ nhà xuất khẩu, nhà đóng gói và/hoặc người gửi hàng. Mã số nhận biết (tùy chọn) ²⁾.

6.2.2 Tên sản phẩm

Ghi rõ tên của sản phẩm nếu sản phẩm không thể nhìn thấy được từ phía bên ngoài. Tên của giống (tùy chọn).

6.2.3 Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm

Nước xuất xứ và vùng trồng (tùy chọn) hoặc tên quốc gia, khu vực hoặc địa phương.

6.2.4 Nhận biết về thương mại

- hạng;
- kích cỡ (mã cỡ hoặc đường kính tối đa và tối thiểu, tính bằng milimet);
- khối lượng tịnh (tùy chọn).
- mã kích cỡ (khi quả được bao gói theo số lượng nằm trong hai mã liền kề, mã cỡ hoặc đường kính tối đa và tối thiểu, tính bằng milimet) và số lượng quả, trong trường hợp quả được xếp thành các lớp trong bao gói.

6.2.5 Dấu kiểm tra (tùy chọn).

7 Chất nhiễm bẩn

7.1 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ giới hạn tối đa cho phép về chất nhiễm bẩn theo CODEX STAN 193-1995³⁾ *General standard for contaminants and toxins in food and feed* (Tiêu chuẩn chung đối với các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi).

7.2 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ mức giới hạn tối đa cho phép về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo TCVN 5624 *Danh mục giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật và giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật ngoại lai* (gồm hai phần).

²⁾ Tại một số nước yêu cầu công bố rõ tên và địa chỉ. Tuy nhiên, trong trường hợp nước đó sử dụng cách thức ghi mã số thì phải viện dẫn "nhà bao gói và/hoặc nhà phân phối (hoặc các cách viết tắt tương đương)" ở chỗ gần nhất với mã số.

³⁾ CODEX STAN 193-1995 đã được soát xét 2009, sửa đổi 2015 và được chấp nhận thành TCVN 4832:2015 *Tiêu chuẩn chung đối với các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi*, có sửa đổi về biên tập.

8 Vệ sinh

8.1 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này nên được sơ chế và xử lý theo các quy định tương ứng của TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, Rev. 4-2003) *Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm*, TCVN 9994:2013 (CAC/RCP 53-2003, Rev. 2010) *Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi* và các tiêu chuẩn khác có liên quan như quy phạm thực hành, quy phạm thực hành vệ sinh.

8.2 Sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chí vi sinh được thiết lập theo TCVN 9632:2013 (CAC/GL 21-1997), *Nguyên tắc thiết lập và áp dụng tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm*.
